

CHƯƠNG 14 THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ

**Bản dịch này chuyển từ bản dịch Chương 14 của TPP, do CPTPP giữ nguyên nội dung Chương này của TPP (theo TTWTO-VCCI)*

Điều 14.1. Định nghĩa:

Trong phạm vi của Chương này:

Hệ thống máy chủ là các máy chủ và các thiết bị lưu trữ dùng để xử lý và lưu trữ thông tin phục vụ cho mục đích thương mại;

Pháp nhân được bảo hộ¹ là:

(a) một hoạt động đầu tư được bảo hộ như định nghĩa tại Điều 9.1 (Định nghĩa) của Chương II (Đầu tư)

(b) một nhà đầu tư của một Bên như định nghĩa tại Điều 9.1 (Định nghĩa) của Chương II (Đầu tư), nhưng không bao gồm nhà đầu tư trong một tổ chức tài chính; hoặc

(c) Nhà cung cấp dịch vụ của một Bên như định nghĩa tại Điều 10.1 của Chương 10 (Thương mại dịch vụ qua biên giới),

nhưng không bao gồm một tổ chức tài chính hoặc một nhà cung cấp dịch vụ tài chính qua biên giới của một Bên như định nghĩa tại Điều 11.1 của Chương 11 (Dịch vụ tài chính)

Sản phẩm số là một chương trình máy tính, văn bản, video, hình ảnh, ghi âm hoặc sản phẩm khác được mã hóa bằng kỹ thuật số, sản xuất vì mục tiêu kinh doanh hay phân phối thương mại, và có thể được truyền đưa bằng điện tử;^{2 3}

Chứng thực điện tử là quy trình hoặc hành động xác minh danh tính của một bên đối với một giao tiếp hoặc giao dịch điện tử và đảm bảo tính toàn vẹn của một giao tiếp điện tử;

Truyền đưa điện tử hoặc **truyền được bằng điện tử** là một hoạt động truyền tin được thực hiện bằng các phương tiện điện tử trường, kể cả bằng các phương tiện quang tử;

Thông tin cá nhân là bất kỳ thông tin nào, bao gồm cả dữ liệu, về một thể nhân/tự nhiên nhân đã được xác định hoặc có thể xác định;

Văn bản quản lý về thương mại là các mẫu được ban hành hoặc kiểm soát bởi một Bên cần phải được hoàn thiện bởi hoặc cho một nhà xuất khẩu hoặc nhập khẩu có liên quan đến việc xuất hay nhập khẩu hàng hóa; và

¹ Đối với Australia, pháp nhân được bảo hộ không bao gồm tổ chức báo cáo tín dụng.

² Để rõ ràng hơn, sản phẩm số không bao gồm dạng thức số hóa của công cụ tài chính, gồm cả tiền

³ Định nghĩa của sản phẩm số không nên được hiểu là sự phản ánh quan điểm của một Bên đối với vấn đề hoạt động kinh doanh các sản phẩm số thông qua truyền dẫn điện tử nên được phân loại là thương mại dịch vụ hay thương mại hàng hóa.

Tin nhắn điện tử thương mại không mong muốn là một tin nhắn điện tử được gửi vì mục đích thương mại hoặc marketing đến một địa chỉ điện tử thông qua một nhà cung cấp dịch vụ kết nối Internet hoặc dịch vụ viễn thông khác trong phạm vi quy định của luật và các quy định của mỗi Bên, mà không có sự đồng ý của người nhận hoặc bất chấp việc từ chối rõ ràng của người nhận.

Điều 14.2: Phạm vi và Các quy định chung:

1. Các Bên ghi nhận các giá trị tăng trưởng kinh tế cũng như cơ hội mà Thương mại điện tử mang lại, cũng như tầm quan trọng của việc hình thành các khuôn khổ nhằm tăng cường lòng tin của người tiêu dùng vào thương mại điện tử và tránh những hàng rào cản trở không cần thiết đối với việc ứng dụng và sự phát triển của thương mại điện tử.

2. Chương này sẽ áp dụng đối với các biện pháp mà một Bên thông qua hoặc duy trì có tác động đối với hoạt động thương mại bằng các phương tiện điện tử.

3. Chương này sẽ không áp dụng đối với:

(a) mua sắm chính phủ

(b) các thông tin được nắm giữ hoặc xử lý bởi một Bên hoặc do Bên đó ủy quyền, hoặc các biện pháp liên quan đến các thông tin đó, bao gồm các biện pháp về việc thu thập thông tin.

4. Để rõ ràng hơn, các biện pháp có tác động đến việc cung cấp dịch vụ được thực hiện bằng phương thức điện tử sẽ còn tùy thuộc vào các nghĩa vụ có trong các điều khoản liên quan của Điều 9 (Đầu tư), Điều 10 (Thương mại dịch vụ qua biên giới) và Điều 11 (Dịch vụ tài chính), bao gồm cả các ngoại trừ hoặc các biện pháp không tương thích quy định trong Hiệp định này được áp dụng cho các nghĩa vụ đó.

5. Để rõ ràng hơn, các nghĩa vụ nêu trong các Điều 14.4 (Không phân biệt đối xử với các sản phẩm số), Điều 14.11 (Lưu chuyển thông tin xuyên biên giới bằng phương tiện điện tử), Điều 14.13 (Đặt hệ thống máy chủ) và Điều 14.17 (Mã nguồn) sẽ:

(a) Tùy thuộc vào các điều khoản liên quan, các ngoại lệ và các biện pháp không tương thích của Điều 9 (Đầu tư), Điều 10 (Thương mại dịch vụ qua biên giới) và Điều 11 (Dịch vụ tài chính) và

(b) Được hiểu đồng thời với các điều khoản liên quan khác trong Hiệp định này.

6. Các nghĩa vụ nêu trong các Điều 14.4 (Không phân biệt đối xử với các sản phẩm số), Điều 14.11 (Lưu chuyển thông tin xuyên biên giới bằng phương tiện điện tử), Điều 14.13 (Đặt hệ thống máy chủ) sẽ không áp dụng đối với các biện pháp có yếu tố không tương thích được áp dụng và duy trì theo như các Điều 9.11 (Các biện pháp không tương thích), Điều 10.7 (Các biện pháp không tương thích) và Điều 11.10 (Các biện pháp không tương thích).

Điều 14.3: Thuế hải quan:

1. Không Bên nào được áp các loại thuế hải quan đối với các giao dịch điện tử, bao gồm cả nội dung được truyền đưa bằng phương thức điện tử, giữa một pháp nhân của một Bên với một pháp nhân của một Bên khác.

2. Để rõ ràng hơn, khoản 1 sẽ không ngăn cản một Bên áp các thuế nội địa, lệ phí hoặc các khoản thu khác đối với nội dung được truyền đưa bằng phương thức điện tử, miễn là các loại thuế, lệ phí hoặc khoản thu đó được quy định một cách phù hợp với Hiệp định này.

Điều 14.4: Không phân biệt đối xử các sản phẩm số:

1. Không Bên nào được đối xử kém thuận lợi hơn đối với sản phẩm số được tạo ra, sản xuất, xuất bản, ký hợp đồng, đặt hàng hoặc xuất hiện trên cơ sở các nguyên tắc thương mại tại lãnh thổ của một Bên khác, hoặc đối với sản phẩm số mà tác giả, người biểu diễn, nhà sản xuất, nhà phát triển hoặc chủ sở hữu là pháp nhân của một Bên khác, so với các sản phẩm số tương tự khác.⁴

2. Khoản 1 sẽ áp dụng trong trường hợp có mâu thuẫn với các quyền và nghĩa vụ trong Điều 18 (Sở hữu trí tuệ).

3. Các Bên hiểu rằng Điều này sẽ không áp dụng cho các khoản trợ cấp hay tài trợ bởi một Bên bao gồm cả những khoản vay, bảo lãnh và bảo hiểm do Chính phủ hỗ trợ.

4. Điều này sẽ không áp dụng đối với phát thanh truyền hình.

Lưu ý: Các Bên sẽ đồng ý với danh mục biện pháp không tương thích (NCMs) và các quy định liên quan khác (như thuế, hoãn áp dụng giải quyết tranh chấp), sau đó sẽ hoàn tất điều khoản về sản phẩm số

Điều 14.5: Khung quy định trong nước về giao dịch điện tử

1. Các Bên sẽ phải duy trì một khung pháp lý điều chỉnh các giao dịch điện tử phù hợp với các nguyên tắc của Luật mẫu UNCITRAL về Thương mại điện tử 1996 hoặc Công ước Liên hợp quốc về sử dụng các liên lạc điện tử trong các hợp đồng quốc tế đã được thông qua tại New York vào 23/11/2005.

2. Mỗi Bên sẽ phải nỗ lực:

(a) tránh tạo ra bất kỳ gánh nặng nào về quy định không cần thiết đối với các giao dịch điện tử; và

(b) tạo thuận lợi cho việc góp ý kiến của các pháp nhân có liên quan đối với việc xây dựng khung pháp lý về giao dịch điện tử.

Điều 14.6: Chứng thực điện tử và chữ ký điện tử

⁴ Để rõ ràng hơn, nếu như một sản phẩm số của một Bên không phải thành viên Hiệp định là một “sản phẩm số tương tự”, thì nó sẽ được coi là “sản phẩm số tương tự khác” như theo khoản NN.4.1 đã nêu.

1. Ngoại trừ những trường hợp có quy định khác trong luật, một Bên sẽ không được phủ nhận giá trị pháp lý của một chữ ký chỉ vì lý do chữ ký đó là ở dạng điện tử.

2. Không bên nào được áp dụng hoặc duy trì các biện pháp đối với chứng thực điện tử mà sẽ:

(a) ngăn cấm các Bên tham gia vào một giao dịch điện tử được cùng nhau quyết định các phương pháp chứng thực phù hợp với giao dịch đó; hoặc

(b) ngăn cấm các Bên tham gia vào một giao dịch điện tử có cơ hội được chứng minh trước các cơ quan hành chính hoặc tư pháp rằng giao dịch của họ tuân thủ mọi yêu cầu pháp lý về chứng thực.

3. Không phụ thuộc vào các quy định tại khoản 2, một Bên có thể quy định đối với một hạng mục giao dịch cụ thể, phương pháp chứng thực phải đáp ứng những tiêu chuẩn về hiệu suất nhất định hoặc phải được công nhận bởi một cơ quan có thẩm quyền theo quy định pháp luật.

4. Các Bên sẽ khuyến khích việc sử dụng chứng thực điện tử tương thích.

Điều 14.7: Bảo vệ người tiêu dùng trực tuyến

1. Các Bên thừa nhận tầm quan trọng của việc áp dụng và duy trì các biện pháp minh bạch và hiệu quả để bảo vệ người tiêu dùng khỏi các hành vi gian lận và lừa đảo thương mại như được đề cập ở Điều 16.7.2 (Bảo vệ người tiêu dùng) khi họ tham gia vào thương mại điện tử.

2. Mỗi Bên sẽ áp dụng hoặc duy trì các quy định pháp luật về bảo vệ người tiêu dùng để ngăn cấm các hành vi gian lận và lừa đảo thương mại gây tổn hại hoặc có nguy cơ gây tổn hại cho người tiêu dùng tham gia vào các hoạt động thương mại trực tuyến.

3. Các Bên thừa nhận tầm quan trọng của việc hợp tác giữa các cơ quan bảo vệ người tiêu dùng quốc gia hoặc các cơ quan liên quan khác đối với các hoạt động thương mại điện tử qua biên giới nhằm nâng cao lợi ích cho người tiêu dùng. Để thực hiện điều này, các Bên khẳng định nội dung hợp tác trong Điều 16.7.5 và Điều 16.7.6 (Bảo vệ người tiêu dùng) bao gồm cả hợp tác đối với các hoạt động thương mại trực tuyến.

Điều 14.8: Bảo vệ thông tin cá nhân⁵

1. Các Bên thừa nhận các lợi ích về kinh tế và xã hội của việc bảo vệ thông tin cá nhân của người dùng thương mại điện tử và đóng góp của điều này vào việc nâng cao lòng tin của người tiêu dùng đối với thương mại điện tử.

2. Để thực hiện điều này, các Bên sẽ áp dụng hoặc duy trì khung pháp lý quy định việc bảo vệ thông tin cá nhân của người dùng thương mại điện tử. Trong quá trình xây dựng

⁵ Brunei và Việt Nam không bắt buộc phải áp dụng Điều này trước ngày mà các nước này bắt đầu thực thi khung pháp lý quy định việc bảo vệ dữ liệu cá nhân của người dùng thương mại điện tử

khung pháp lý về bảo vệ thông tin cá nhân, mỗi Bên nên tham khảo các nguyên tắc và hướng dẫn của các tổ chức quốc tế liên quan⁶

3. Mỗi Bên sẽ nỗ lực, trong phạm vi thẩm quyền của mình, sẽ áp dụng các thông lệ về không phân biệt đối xử đối với việc bảo vệ người dùng thương mại điện tử khỏi các hành vi xâm phạm thông tin cá nhân.

4. Mỗi Bên nên công bố các thông tin về các biện pháp bảo vệ thông tin cá nhân đối với người dùng thương mại điện tử, bao gồm các cách thức để:

(a) các cá nhân có thể tìm các biện pháp khắc phục; và

(b) các doanh nghiệp có thể tuân thủ các yêu cầu pháp lý;

5. Trên cơ sở thừa nhận rằng các Bên có thể đưa ra các biện pháp pháp lý khác nhau để bảo vệ thông tin cá nhân, mỗi Bên sẽ khuyến khích việc xây dựng các cơ chế để thúc đẩy và tăng cường khả năng tương thích giữa các biện pháp đó. Các cơ chế này có thể bao gồm việc công nhận các kết quả đầu ra của quản lý, có thể là theo hình thức độc lập hoặc thông qua thỏa thuận lẫn nhau, hoặc qua các khuôn khổ quốc tế rộng hơn. Để thực hiện điều này, các Bên sẽ nỗ lực trong phạm vi thẩm quyền của mình để trao đổi thông tin về các cơ chế như vậy và tìm cách mở rộng các cơ chế đó hoặc các hình thức thỏa thuận thích hợp khác để tăng cường khả năng tương thích giữa các cơ chế đó.

Điều 14.9: Thương mại không qua giấy tờ

Mỗi Bên sẽ nỗ lực để:

(a) công bố rộng rãi các văn bản quản lý về thương mại ở dạng điện tử; và

(b) chấp nhận các văn bản quản lý về thương mại được nộp bằng phương thức điện tử với giá trị pháp lý tương đương với các văn bản bằng giấy.

Điều 14.10: Các nguyên tắc về truy cập và sử dụng Internet cho Thương mại điện tử

Tùy thuộc vào các chính sách, luật pháp và quy định được áp dụng, các Bên công nhận lợi ích của người tiêu dùng từ việc có các quyền như sau trên lãnh thổ của mình:

(a) truy cập và sử dụng các dịch vụ và ứng dụng trên Internet theo chọn lựa của người tiêu dùng, trên cơ sở việc mạng lưới được quản trị một cách hợp lý⁷;

(b) kết nối các thiết bị của người dùng cuối với Internet theo chọn lựa của người tiêu dùng, miễn là các thiết bị đó không gây tổn hại cho mạng lưới; và

⁶ Để rõ ràng hơn, một Bên có thể tuân thủ theo nghĩa vụ của khoản này bằng cách áp dụng hoặc duy trì các biện pháp ví dụ như bảo mật toàn diện, các luật về bảo vệ thông tin hoặc dữ liệu cá nhân, các luật chuyên ngành về bảo mật, hoặc các luật quy định việc thực thi các cam kết tự nguyện của doanh nghiệp liên quan đến bảo mật.

⁷ Các Bên thừa nhận rằng nếu một nhà cung cấp dịch vụ truy cập Internet cung cấp đến các thuê bao của mình một số nội dung nhất định trên cơ sở độc quyền thì sẽ được coi là không làm trái với nguyên tắc này.

(c) truy cập các thông tin về các biện pháp quản trị mạng lưới từ nhà cung cấp kết nối Internet của người tiêu dùng

Điều 14.11: Lưu chuyển thông tin xuyên biên giới bằng phương tiện điện tử

1. Các Bên thừa nhận rằng mỗi Bên có thể có nhưng yêu cầu quản lý riêng đối với việc lưu chuyển thông tin bằng các phương tiện điện tử.

2. Mỗi Bên sẽ cho phép việc lưu chuyển thông tin xuyên biên giới bằng các phương tiện điện tử, bao gồm cả thông tin cá nhân, nếu việc lưu chuyển này phục vụ cho hoạt động kinh doanh của một pháp nhân được bảo hộ;

3. Không có gì trong Điều này ngăn cản một Bên áp dụng hoặc duy trì các biện pháp không phù hợp với khoản 2 để thực hiện mục tiêu chính sách công cộng chính đáng, miễn là biện pháp đó:

(a) không được áp dụng để nhằm mục đích tạo ra sự phân biệt đối xử tùy tiện hoặc vô lý, hoặc cản trở thương mại một cách trá hình.

(b) không áp đặt các hạn chế hơn mức cần thiết đối với các hoạt động lưu chuyển thông tin để thực hiện mục tiêu chính sách công cộng chính đáng.

Điều 14.12: Chia sẻ cước kết nối Internet

Các Bên ghi nhận rằng một nhà cung cấp có nhu cầu kết nối Internet quốc tế nên được phép đàm phán với các nhà cung cấp của một Bên khác trên cơ sở thương mại. Các hoạt động đàm phán này có thể bao gồm đàm phán về bồi thường cho việc thiết lập kết nối, vận hành và bảo trì các thiết bị của các nhà cung cấp.

Điều 14.13: Đặt hệ thống máy chủ

1. Các Bên thừa nhận rằng mỗi Bên có thể có nhưng yêu cầu quản lý riêng đối với việc sử dụng các thiết bị máy tính, bao gồm cả các yêu cầu để đảm bảo an ninh và bảo mật thông tin liên lạc.

2. Không bên nào được yêu cầu một pháp nhân được bảo hộ phải sử dụng hoặc đặt hệ thống máy chủ trên lãnh thổ của Bên đó như là một điều kiện để tiến hành hoạt động kinh doanh tại lãnh thổ đó.

3. Không có gì trong Điều này ngăn cản một Bên áp dụng hoặc duy trì các biện pháp không phù hợp với khoản 1 để thực hiện mục tiêu chính sách công cộng chính đáng, miễn là biện pháp đó:

a) không được áp dụng để nhằm mục đích tạo ra sự phân biệt đối xử tùy tiện hoặc vô lý, hoặc cản trở thương mại một cách trá hình.

(b) không áp đặt các hạn chế hơn mức cần thiết đối với việc sử dụng và đặt hệ thống máy chủ để thực hiện mục tiêu chính sách công cộng chính đáng.

Điều 14.14: Tin nhắn điện tử thương mại không mong muốn⁸

1. Mỗi Bên sẽ áp dụng hoặc duy trì các biện pháp liên quan đến tin nhắn điện tử thương mại không mong muốn mà:

(a) yêu cầu các nhà cung cấp các tin nhắn điện tử thương mại không mong muốn phải tạo điều kiện cho người nhận có khả năng ngăn việc tiếp tục phải nhận những tin nhắn đó.

(b) yêu cầu phải có sự chấp thuận của người nhận, được quy định cụ thể trong luật pháp và các quy định của mỗi Bên, để nhận các tin nhắn điện tử thương mại; hoặc

(c) nếu không thì phải quy định việc giảm thiểu tối đa các tin nhắn điện tử thương mại không mong muốn.

2. Các Bên sẽ quy định việc đòi bồi thường đối với các nhà cung cấp tin nhắn điện tử thương mại không mong muốn không tuân thủ theo các biện pháp được áp dụng hoặc duy trì như ở khoản 1.

3. Các Bên sẽ nỗ lực hợp tác trong các vụ việc thích hợp có liên quan đến quy định về tin nhắn điện tử thương mại không mong muốn mà cả 2 Bên đều có chung mối quan tâm.

Điều 14.15: Hợp tác

Ghi nhận tính chất toàn cầu của thương mại điện tử, các Bên sẽ nỗ lực để:

(a) cùng nhau hỗ trợ các doanh nghiệp vừa và nhỏ vượt qua các trở ngại trong việc ứng dụng thương mại điện tử;

(b) trao đổi thông tin và chia sẻ kinh nghiệm về quy định, chính sách, việc thực thi và tuân thủ liên quan đến thương mại điện tử, bao gồm:

(i) bảo vệ thông tin cá nhân;

(ii) bảo vệ người tiêu dùng trực tuyến bao gồm cả những biện pháp bồi thường và nâng cao sự tin nhiệm của người tiêu dùng;

(iii) tin nhắn điện tử thương mại không mong muốn

(iv) vấn đề an ninh trong các liên lạc điện tử;

(v) chứng thực; và

(vi) chính phủ điện tử

⁸ Brunei Darussalam không bắt buộc phải áp dụng Điều này trước ngày nước này bắt đầu thực thi khung pháp lý về tin nhắn điện tử thương mại không mong muốn.

(c) trao đổi thông tin và chia sẻ quan điểm về việc tiếp cận các sản phẩm và dịch vụ trực tuyến của người tiêu dùng giữa các Bên;

(d) tích cực tham gia vào các diễn đàn khu vực và đa phương để thúc đẩy sự phát triển của thương mại điện tử; và

(e) khuyến khích khối tư nhân phát triển các biện pháp về quy định nội bộ nhằm thúc đẩy thương mại điện tử, bao gồm các quy tắc ứng xử, hợp đồng mẫu, hướng dẫn và cơ chế thực thi.

Điều 14.16: Hợp tác trong các vấn đề an ninh mạng:

Các Bên ghi nhận tầm quan trọng của việc:

(a) nâng cao năng lực của các cơ quan quốc gia chịu trách nhiệm về đối phó với sự cố an toàn máy tính; và

(b) thông qua các cơ chế hợp tác hiện có để phối hợp xác định và giảm thiểu các hành vi xâm nhập nguy hiểm hoặc phổ biến mã độc hại gây ảnh hưởng đến mạng lưới điện tử của các Bên.

Điều 14.17. Mã nguồn:

1. Không Bên nào được yêu cầu việc chuyển giao hoặc truy cập đến mã nguồn của phần mềm được sở hữu bởi một pháp nhân của một Bên khác như là một điều kiện để phần mềm hoặc các sản phẩm sử dụng phần mềm đó được nhập khẩu, phân phối, bán hoặc sử dụng trong lãnh thổ của Bên đó.

2. Trong phạm vi của Điều này, phần mềm được nói đến khoản 1 sẽ chỉ giới hạn trong các phần mềm hoặc các sản phẩm dùng các phần mềm đó trên thị trường đại chúng, và không bao gồm các phần mềm được sử dụng cho hạ tầng trọng yếu.

3. Không có gì trong Điều này sẽ ngăn cản:

(a) việc cam kết hoặc thực thi các điều khoản và điều kiện liên quan đến việc cung cấp mã nguồn trong các hợp đồng được đàm phán trên cơ sở thương mại; hoặc

(b) một Bên yêu cầu sửa đổi mã nguồn của phần mềm cần thiết để phần mềm đó tuân thủ với các luật và quy định không phù hợp với Hiệp định này.

4. Điều này sẽ không được hiểu là có tác động đến các yêu cầu liên quan đến các đăng ký sáng chế hoặc các bằng sáng chế đã được cấp, bao gồm cả các lệnh do cơ quan tư pháp ban hành liên quan đến tranh chấp sáng chế, trên cơ sở phụ thuộc vào quy định pháp luật và thông lệ của một Bên về các biện pháp chống lại hành vi tiết lộ trái phép.

Điều 14.18: Giải quyết tranh chấp

1. Đối với các biện pháp hiện hành, Malaysia sẽ không áp dụng cơ chế giải quyết tranh chấp theo như Chương 28 (Giải quyết tranh chấp) đối với các nghĩa vụ của Điều 14.4 (Không phân biệt đối xử với các sản phẩm số) và Điều 14.11 (Lưu chuyển thông tin xuyên biên giới bằng phương tiện điện tử) trong khoảng thời gian 2 năm kể từ ngày Hiệp định này có hiệu lực đối với Malaysia.

2. Đối với các biện pháp hiện hành, Việt Nam sẽ không áp dụng cơ chế giải quyết tranh chấp theo như Chương 28 (Giải quyết tranh chấp) đối với các nghĩa vụ của Điều 14.4 (Không phân biệt đối xử với các sản phẩm số), Điều 14.11 (Lưu chuyển thông tin xuyên biên giới bằng phương tiện điện tử) và Điều 14.13 (Đặt hệ thống máy chủ) trong khoảng thời gian 2 năm kể từ ngày Hiệp định này có hiệu lực đối với Việt Nam.